

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về nội dung và mức hỗ trợ
cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 15/2013/TT-BNNPTNT ngày 26/02/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định thực hiện một số điều của Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nội dung và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 29/2011/QĐ-UBND ngày 03/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang Ban hành Quy định về nội dung và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT tỉnh;
- Công báo, Website tỉnh;
- VPUB:CVP và các PCVP;
- Lưu VT, P.KTN (Tâm, Nhà)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *hvs*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Nghĩa
Nguyễn Văn Nghĩa

QUY ĐỊNH

**Về nội dung và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2014/QĐ-UBND ngày 11 / 8 /2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định về nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cấp hàng năm để thực hiện các hoạt động khuyến nông thuộc các lĩnh vực sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ, dịch vụ trong nông nghiệp, ngư nghiệp, thủy nông, cơ điện nông nghiệp, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sản xuất: Nông dân sản xuất nhỏ, nông dân sản xuất hàng hóa, nông dân thuộc diện hộ nghèo; chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã; công nhân nông trường; doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2. Các tổ chức khuyến nông: Trung tâm Khuyến nông tỉnh; các trạm khuyến nông các huyện, thành phố, thị xã; lực lượng khuyến nông viên cấp xã.

3. Các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về khuyến nông: Các đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã thuộc tỉnh.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức khoa học, giáo dục đào tạo, hiệp hội, hội nghề nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động khuyến nông

1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước;

2. Thu từ thực hiện các hợp đồng tư vấn và dịch vụ khuyến nông;

3. Tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;

4. Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung, mức chi hoạt động khuyến nông

1. Chi các lớp bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo, đào tạo:

a) Chi hội thảo đầu bờ; lớp học từ 30 - 50 học viên:

Hội thảo đầu bờ: Bao gồm tiền nước uống tối đa 15.000đồng/người tham dự, tiền tổ chức lớp 100.000đồng/lớp, tiền thù lao giảng viên 200.000đồng/lớp.

b) Chi tập huấn, hội thảo kỹ thuật, kỹ năng, phương pháp khuyến nông; lớp học từ 30 - 50 học viên:

- Tập huấn tại xã: Bao gồm hỗ trợ tiền ăn cho học viên không thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước tối đa 25.000đồng/người tham dự, tiền tổ chức lớp 100.000đồng/lớp, tiền thù lao giảng viên 200.000đồng/lớp.

- Tập huấn, hội thảo tại huyện (từ 50 - 80 người/cuộc): Bao gồm hỗ trợ tiền ăn cho học viên không thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước tối đa 50.000đồng/người tham dự, tiền thù lao giảng viên 200.000đồng/ngày; tổ chức lớp 100.000 đồng/ngày, văn phòng phẩm, tài liệu, thuê phương tiện, hội trường; chi bồi dưỡng cho hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật theo thực tế phát sinh và chế độ hiện hành của nhà nước quy định.

- Tập huấn, hội thảo tại tỉnh: Hỗ trợ cho học viên không thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước, gồm tiền ăn tối đa 70.000đồng/người/ngày, tiền đi lại cho người ở xa cách nơi học trên 15 km tối đa 200.000 đồng/người/khóa học; chi thù lao giảng viên tối đa không quá 200.000 đồng/ngày; tổ chức lớp 100.000 đồng/ngày. Các khoản chi khác như: tiền thuê chỗ ở cho học viên, văn phòng phẩm, tài liệu, thuê phương tiện, hội trường; chi bồi dưỡng cho hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật theo thực tế phát sinh và chế độ hiện hành của nhà nước quy định.

Trường hợp giảng viên là tiến sĩ, nghệ nhân cấp tỉnh thì thực hiện mức chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên theo quy định hiện hành.

2. Chi thông tin tuyên truyền

a) Về in, mua và cấp phát tài liệu, báo chí:

- Báo Nông nghiệp Việt Nam: Cấp phát cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông; các phòng và trạm khuyến nông các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh thuộc Trung tâm Khuyến nông tỉnh để cập nhật kiến thức, thông tin chuyên ngành; các chủ nhiệm câu lạc bộ khuyến nông (CLBKN); trên địa bàn tỉnh để cập nhật thông tin và làm tài liệu sinh hoạt CLBKN theo định kỳ;

- Báo Ấp Bắc: Cấp phát cho Lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông, các phòng và các trạm khuyến nông thuộc Trung tâm Khuyến nông tỉnh để nắm bắt chủ trương, chính sách của tỉnh và cập nhật thông tin, thời sự địa phương;

- Báo con tôm: Cấp phát cho Lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông, các phòng và các trạm khuyến nông thuộc Trung tâm Khuyến nông tỉnh để cập nhật thông tin,

tiến bộ kỹ thuật chuyên ngành; cấp phát cho khuyến nông viên trên địa bàn tỉnh để cập nhật kiến thức chuyên ngành và hỗ trợ sinh hoạt CLBKN theo định kỳ;

- Thông tin Khuyến nông Tiền Giang: Cấp phát cho các cơ quan, ban ngành, đoàn thể tỉnh để cập nhật thông tin nông nghiệp ở địa phương, là diễn đàn trao đổi giữa nông - ngư dân, cán bộ kỹ thuật và các cơ quan ban, ngành; cấp phát cho Lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông tỉnh, các phòng và các trạm khuyến nông thuộc Trung tâm; cấp phát cho khuyến nông viên trên địa bàn tỉnh để cập nhật kiến thức chuyên ngành ở địa phương và hỗ trợ sinh hoạt CLBKN; cấp phát cho cộng tác viên có bài tham gia; cấp phát cho Trung tâm khuyến nông các tỉnh, thành trên cả nước để chia sẻ thông tin trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp ở từng địa phương;

- Sổ tay Khuyến nông: Cấp phát cho Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông, toàn thể cán bộ viên chức thuộc Trung tâm, Chủ nhiệm CLBKN, Khuyến nông viên trên địa bàn tỉnh để ghi chép, cập nhật thông tin và địa chỉ thuộc ngành nông nghiệp Việt Nam;

- Tài liệu Khuyến nông: Cấp phát cho nông dân trong các cuộc tập huấn kỹ thuật;

Việc in, mua tài liệu, báo chí thanh toán theo giá cả thực tế và thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về mua sắm.

b) Chi thông tin tuyên truyền khác:

- Chi thông tin tuyên truyền các hoạt động khuyến nông trên báo, đài;
- Chi tuyên truyền thực hiện mô hình trình diễn trên các bảng báo, panô;
- Chi diễn đàn khuyến nông;
- Chi hội nghị tổng kết khuyến nông;
- Chi hội thi về các hoạt động khuyến nông;
- Chi phí xây dựng và quản lý dữ liệu hệ thống thông tin khuyến nông.

Nội dung và mức chi đối với các hoạt động thông tin tuyên truyền nêu trên thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

c) Chi hội chợ triển lãm nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chi thông tin tuyên truyền hội chợ; chi hoạt động của ban tổ chức.

3. Chi xây dựng các mô hình khuyến nông

a) Chi hỗ trợ nông dân xây dựng mô hình khuyến nông: Mức hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống và tối đa 30% chi phí vật tư thiết yếu (thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hóa chất).

- Mô hình trồng trọt:

Quy mô 1 mô hình: Lúa: 10 ha; rau, màu: 5,0 ha; hoa tươi: 2,0 ha; cây ăn quả, cây lâu năm khác: 3,0 ha; nấm các loại: 5,0 tấn nguyên liệu.

- Mô hình chăn nuôi:

+ Quy mô 1 mô hình gia cầm: Nuôi gà, vịt: 1.000 con; cút: 5.000 con;

+ Quy mô 1 mô hình gia súc: Nuôi heo thịt: 20 con, nuôi heo nái: 10 con; nuôi bò sữa: 5,0 con; nuôi bò thịt, sinh sản, vỗ béo: 10 con; cải tạo đàn bò: 20 con; cải tạo đàn dê: 40 con; nuôi dê sinh sản: 10 con; thỏ: 100 con; mô hình chăn nuôi ứng dụng đệm lót (gà: 2.000 con, heo: 20 con); trồng cỏ chăn nuôi: 0,5 ha.

- Mô hình khuyến ngư: Quy mô 1 mô hình: tôm - lúa, cá - lúa, nhuyễn thể (nghêu, sò huyết): 2,0 ha; tôm: 0,5 ha; cua: 1,0 ha; cá ao (nước lợ, ngọt): 0,2 ha; lồng bè: 150 m³; cá cảnh trên bể kiếng: 10 m³; cá cảnh trên bể lót bạt: 100 m²; thủy đặc sản: 500 m².

b) Đối với mô hình cơ giới hóa nông nghiệp, bảo quản chế biến và ngành nghề nông thôn hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua công cụ, máy cơ khí, thiết bị nhưng không quá 75 triệu đồng/mô hình.

c) Đối với mô hình khai thác và bảo quản sản phẩm trên biển gần bờ (không bao gồm vỏ tàu, máy tàu): hỗ trợ tối đa 50% chi phí trang thiết bị nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 125 triệu đồng/mô hình.

d) Đối với mô hình khai thác và bảo quản sản phẩm trên biển xa bờ và tuyến đảo (không bao gồm vỏ tàu, máy tàu): Hỗ trợ tối đa 50% chi phí trang thiết bị nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/mô hình.

đ) Đối với mô hình ứng dụng công nghệ cao mức hỗ trợ tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình.

e) Chi công cán bộ kỹ thuật theo dõi, chỉ đạo mô hình:

- Chi thuê cán bộ kỹ thuật theo dõi, chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương tối thiểu/22 ngày nhân (X) số ngày thực tế thuê.

- Trường hợp không thuê Cán bộ kỹ thuật theo dõi, chỉ đạo mô hình mà sử dụng cán bộ của đơn vị theo dõi, chỉ đạo mô hình thì thực hiện chế độ làm việc ngoài giờ theo quy định hiện hành.

4. Chi nhân rộng mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng.

Hỗ trợ kinh phí thông tin, tuyên truyền và hội thảo đầu bờ theo Điểm a, Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

5. Chi mua bản quyền tác giả, mua công nghệ mới gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nội dung chi và mức chi theo quy định hiện hành của nhà nước.

6. Chi biên soạn và in giáo trình, tài liệu mẫu để hướng dẫn, đào tạo, tư vấn khuyến nông.

Nội dung chi và mức chi áp dụng theo Thông tư 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

7. Chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoặc đánh giá hoạt động khuyến nông.

Căn cứ mức độ cần thiết và khả năng kinh phí, Thủ trưởng các tổ chức khuyến nông quyết định lựa chọn thuê chuyên gia trong nước hoặc nước ngoài; hình thức thuê theo thời gian hay sản phẩm cho phù hợp. Mức chi theo hợp đồng thực tế thỏa thuận với chuyên gia bảo đảm phù hợp giữa yêu cầu của công việc với trình độ và kinh nghiệm của chuyên gia.

Mức giá thuê chuyên gia nước ngoài phải được phê duyệt trước khi ký hợp đồng thuê chuyên gia: Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với tổ chức khuyến nông cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã phê duyệt đối với tổ chức khuyến nông cấp huyện.

8. Chi tham quan học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất trong nước và ngoài nước.

a) Chi tham quan học tập kinh nghiệm trong tỉnh: Thời gian đi trong ngày, số lượng tối đa 45 người/cuộc.

- Tham quan trong huyện: Hỗ trợ tiền ăn cho người tham quan tối đa 70.000 đồng/người/ngày; chi bồi dưỡng cán bộ hướng dẫn đoàn tham quan tối đa 70.000 đồng/người (gồm người dẫn Đoàn tham quan và người hướng dẫn nơi Đoàn đến); thuê xe hoặc xăng xe chi theo thực tế.

- Tham quan trong tỉnh: Hỗ trợ tiền ăn cho người tham quan tối đa 100.000 đồng/người/ngày; chi bồi dưỡng cán bộ hướng dẫn đoàn tham quan tối đa 100.000 đồng/người (gồm người dẫn Đoàn tham quan và người hướng dẫn nơi Đoàn đến); thuê xe hoặc xăng xe chi theo thực tế.

b) Chi tham quan học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh: Thời gian đi không quá 04 ngày, số lượng tối đa 45 người/cuộc.

Hỗ trợ tiền ăn tối đa 150.000 đồng/người/ngày; chi bồi dưỡng cán bộ hướng dẫn đoàn tham quan 150.000 đồng/người/ngày (gồm người dẫn Đoàn tham quan và người hướng dẫn nơi Đoàn đến; tiền thuê chỗ ở và tiền thuê phương tiện vận chuyển chi theo thực tế phát sinh và quy định hiện hành của nhà nước.

c) Chỉ tham quan học tập kinh nghiệm nước ngoài:

Thực hiện theo kế hoạch và dự toán từng chuyến tham quan được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

9. Chi mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho hoạt động khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc mua sắm trang thiết bị thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

10. Chi phí quản lý các chương trình, dự án khuyến nông.

Thực hiện theo khoản 10, Điều 5 Thông tư số 183/2010/TTLT-BTC- BNN ngày 15/11/2010 của Liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

11. Chi thực hiện chương trình, dự án khuyến nông: Nội dung và mức chi theo dự toán được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với tổ chức khuyến nông cấp tỉnh với mức kinh phí mỗi dự án từ 150 triệu đồng trở lên và ủy quyền Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt đối với kinh phí mỗi dự án dưới 150 triệu đồng; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã phê duyệt đối với tổ chức khuyến nông cấp huyện.

12. Chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông:

a) Chi hỗ trợ Câu lạc bộ khuyến nông trong tỉnh.

- Hỗ trợ họp chủ nhiệm CLBKN, mỗi tháng một lần, mức chi tiền nước tối đa 15.000 đồng/người/cuộc.

- Hỗ trợ sinh hoạt CLBKN, mỗi tháng một lần, mức chi 10.000 đồng/người/cuộc.

b) Chi hỗ trợ giải Bông lúa vàng, mỗi năm một lần, mức chi không quá 30.000.000 đồng/năm.

c) Chi hội nghị, hội thảo chuyên đề:

- Hội nghị tổng kết hoạt động khuyến nông hàng năm, hội nghị chuyên ngành

- Hội thảo chuyên đề kỹ thuật: Nhằm trao đổi kinh nghiệm, những vấn đề vướng mắc trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh, huyện với sự tư vấn, hỗ trợ của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý và nông dân.

Mức chi theo thực tế phát sinh và theo quy định hiện hành.

Điều 5. Lập, chấp hành, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước và công tác thanh tra, kiểm tra, báo cáo.

1. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước:

a) Hàng năm, căn cứ nội dung, kế hoạch hoạt động khuyến nông của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động khuyến nông lập dự toán kinh phí khuyến nông cùng với dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị

(Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với ngân sách tỉnh; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, phòng Kinh tế thành phố, thị xã đối với ngân sách cấp huyện) gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dự toán hàng năm cho đơn vị.

b) Kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông theo quy định tại Quy định này được phản ánh và quyết toán vào Loại 010 khoản 014 “Các hoạt động dịch vụ nông nghiệp”; theo Chương tương ứng của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành.

c) Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí hoạt động khuyến nông được thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và theo chế độ quy định quản lý tài chính hiện hành.

2. Công tác thanh tra, kiểm tra, báo cáo:

a) Cơ quan, đơn vị thực hiện kinh phí hoạt động khuyến nông có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện kinh phí khuyến nông, bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông đúng mục đích, có hiệu quả.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn việc thực hiện kinh phí hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm thực hiện nội dung và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông theo đúng quy định này và các quy định tại Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông; Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông và Thông tư số 15/2013/TT-BNNPTNT ngày 26/02/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định thực hiện một số điều chỉnh của Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *ĐVC*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



ĐVC
Lê Văn Nghĩa